

Số: 06 /QĐ-HĐQL

Ninh Bình, ngày 09 tháng 07 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT ngày 25/2/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Huy động vốn của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/QĐ-HĐQL ngày 23/11/2011 về việc ban hành Quy chế Huy động của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

Điều 3. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Ninh Bình (để b/c);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Đình Quốc Trị

QUY CHẾ

Huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-HĐQL ngày 09 / 07/2015
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Quỹ), Quỹ được huy động vốn trung hạn và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoạt động thông qua việc nhận tiền gửi dưới hình thức hợp đồng huy động vốn, nhận tiền vay và tiền đầu tư trái phiếu.

Điều 2. Đối tượng huy động vốn

Quỹ được huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế; Các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Mục đích huy động vốn

1. Quỹ thực hiện huy động vốn để đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế nhằm thực hiện các công trình, dự án thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh.

2. Mở rộng quy mô hoạt động, đảm bảo hoạt động của Quỹ được liên tục, hiệu quả và phát triển.

Điều 4. Hình thức huy động vốn

Quỹ được huy động vốn từ các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và nước ngoài, bao gồm:

1. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước, Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

2. Phát hành trái phiếu của Quỹ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính về phát hành trái phiếu;

3. Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.



Điều 5. Nguyên tắc huy động vốn

1. Việc huy động vốn phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ và theo kế hoạch được duyệt.
2. Chỉ được huy động vốn khi có các dự án đầu tư, Quỹ không được huy động vốn ngắn hạn hoặc huy động dưới hình thức thương mại để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ.
3. Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và lãi đối với tất cả các khoản vốn mà Quỹ huy động theo đúng những cam kết trong hợp đồng huy động vốn đã ký kết.
4. Việc sử dụng vốn huy động phải đúng mục đích.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Điều kiện huy động vốn

1. Điều kiện giao dịch đối với tổ chức trong nước phải đảm bảo năng lực pháp luật dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.
2. Điều kiện giao dịch đối với cá nhân:
 - a. Là người cư trú: các cá nhân phải từ đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự.
 - b. Là người không cư trú: các cá nhân phải từ đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự, đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và ở nước ngoài.
3. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

Điều 7. Phương thức huy động vốn

1. Trên cơ sở kế hoạch huy động vốn được duyệt của UBND tỉnh, Quỹ tổ chức thực hiện huy động vốn để đảm bảo nhu cầu của dự án theo các phương thức:
 - a. Xác định dự án hoặc lập danh mục dự án đầu tư để cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân mà Quỹ dự kiến sẽ huy động vốn.
 - b. Việc vay vốn của các tổ chức, ngân hàng thương mại phải tính toán kỹ hiệu quả, khả năng tài chính của Quỹ để quyết định mức huy động vốn.
 - c. Quỹ trực tiếp làm việc, đàm phán, ký kết các hợp đồng huy động vốn trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.
 - d. Trường hợp cần thiết, Quỹ lập phương án phát hành trái phiếu để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật.
2. Trường hợp do yêu cầu, nhiệm vụ huy động ngoài kế hoạch được giao, Giám đốc quỹ báo cáo HĐQT Quỹ trình UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh kế hoạch.

Điều 8. Giới hạn huy động vốn

1. Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Quy chế này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm huy động.
2. Mức vốn huy động
 - a. Đối với các tổ chức mức vốn huy động tối thiểu là 500.000.000 đồng.
 - b. Đối với các cá nhân mức vốn huy động tối thiểu là 100.000.000 đồng.
 - c. Đối với trái phiếu Quỹ không giới hạn mức huy động.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định huy động vốn

1. Đối với các trường hợp huy động vốn trong nước thuộc kế hoạch huy động vốn hàng năm được duyệt trên cơ sở tính toán hiệu quả của việc sử dụng vốn huy động:
 - Các Hợp đồng huy động vốn có giá trị bằng hoặc thấp hơn vốn điều lệ của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.
 - Các Hợp đồng huy động vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.
2. Đối với các trường hợp huy động vốn từ nước ngoài do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định về vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.
3. Trường hợp huy động vốn phục vụ cho các phương án, dự án đặc biệt thuộc chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương của Tỉnh do UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Lãi suất huy động vốn

1. Việc quyết định mức lãi suất đối với từng khoản huy động do người có thẩm quyền huy động vốn quyết định nhưng phải thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm huy động vốn, đảm bảo bù đắp chi phí và tính hiệu quả của việc sử dụng vốn huy động;
2. Trường hợp huy động hoặc vay nợ nước ngoài thì lãi suất huy động được thực hiện theo từng chương trình cụ thể và đảm bảo quy định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ;
3. Lãi suất huy động của trái phiếu theo từng phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4. Trường hợp huy động vốn phục vụ cho các phương án, dự án đặc biệt thuộc chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội theo chủ trương của tỉnh do UBND tỉnh quyết định.
5. Trong trường hợp khách hàng rút vốn trước hạn thì lãi suất được quy định cụ thể trong Hợp đồng huy động vốn.

Điều 11. Thời hạn huy động vốn

1. Thời hạn huy động vốn tối thiểu là 12 tháng, tối đa không hạn chế.
2. Các trường hợp rút vốn trước hạn

- Trường hợp vì lý do khách quan và hợp lý, khách hàng có thể rút vốn trước hạn nhưng phải có văn bản đề nghị gửi Quỹ trước 15 ngày, nếu cần đổi được nguồn vốn Quỹ có thể giải quyết cho rút vốn trước hạn.

- Trường hợp vì những lý do khách quan và hợp lý, Quỹ có thể thỏa thuận để hoàn trả vốn trước hạn thông qua phụ lục Hợp đồng trên cơ sở đảm bảo quyền lợi và sự thống nhất giữa Quỹ và khách hàng.

3. Đối với trái phiếu Quỹ thì thời hạn huy động là thời gian phát hành trái phiếu trong phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

Điều 12. Thủ tục huy động vốn

1. Quý IV hàng năm, Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch huy động vốn phù hợp với hình thức và phương thức huy động vốn, báo cáo HĐQT Quỹ thông qua và trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu có liên quan để trao đổi, đàm phán với các đối tác.

3. Ký kết hợp đồng huy động vốn để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 13. Đồng tiền huy động

Quỹ thực hiện huy động vốn bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ. Nếu huy động bằng ngoại tệ thì thực hiện quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm huy động.

Điều 14. Các hình thức đảm bảo để huy động vốn

1. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài, các hình thức đảm bảo để huy động vốn được thực hiện theo quy định của Chính phủ Việt Nam về nợ vay nước ngoài.

2. Số tiền gửi hoặc cho vay của khách hàng tại Quỹ được bảo mật và được bảo hiểm theo quy định của pháp luật (nếu có)

3. Trường hợp cần có bảo lãnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Quỹ báo cáo HĐQT Quỹ đề nghị UBND tỉnh cam kết bảo lãnh để được vay vốn.

Điều 15. Sử dụng vốn huy động

1. Việc sử dụng vốn huy động của Quỹ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Phục vụ cho các hoạt động của Quỹ trên cơ sở đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vốn huy động đúng hạn;

b. Sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả các nguồn vốn huy động.

2. Vốn huy động của Quỹ được sử dụng vào các lĩnh vực sau:

a. Đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Tỉnh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm

2013 của Chính phủ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm hoặc trong từng thời kỳ.

b. Góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định 138/NĐ-CP ngày 28/08/2007 và Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, Điều lệ và Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ.

Điều 16. Thanh toán gốc và lãi vay vốn huy động

1. Thanh toán lãi huy động vốn

a. Hình thức tính lãi

- Đối với Hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức trong nước, cá nhân trong và ngoài nước: Trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc trả một lần khi đáo hạn theo yêu cầu của khách hàng.

- Đối với Hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước: Trả lãi theo quy định của khách hàng.

- Đối với trái phiếu Quỹ: Trả lãi 6 tháng hoặc hàng năm và lãi không nhập gốc.

- Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải theo quy định cụ thể đã thỏa thuận trong chương trình huy động giữa Quỹ và khách hàng đồng thời đảm bảo quy định về vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

- Lãi huy động có thể chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo thỏa thuận giữa khách hàng và Quỹ trên cơ sở quy định về sử dụng tiền mặt và ngoại hối do nhà nước quy định.

b. Phương pháp tính lãi

- Lãi huy động được tính theo phương pháp tích số trên thời hạn của hợp đồng huy động. Lãi suất được quy định trên cơ sở tháng là 30 ngày hoặc năm là 360 ngày.

- Trường hợp khách hàng có nhu cầu rút vốn trước hạn:

Khi khách hàng có nhu cầu rút vốn trước hạn thì phải được sự thỏa thuận thống nhất giữa các Bên và sự đồng ý bằng văn bản của Quỹ.

+ Không có thỏa thuận cụ thể trên hợp đồng huy động thì toàn bộ số vốn rút trước hạn sẽ hưởng lãi suất không kỳ hạn do ngân hàng nhà nước quy định, số vốn còn lại (nếu có) được Quỹ bảo lưu lãi suất theo hợp đồng đã ký.

+ Đã có thỏa thuận theo khung trên hợp đồng huy động, thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp hợp đồng huy động đến hạn đúng vào ngày nghỉ giao dịch theo quy định của Nhà nước, nếu khách hàng yêu cầu tất toán trước ngày nghỉ giao dịch thì cách tính lãi theo như thông thường nhưng số ngày tính lãi là số ngày theo kỳ hạn trừ đi số ngày tất toán trước hạn.

2. Đến hạn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng huy động vốn đã ký kết hoặc kế hoạch huy động vốn đã được phê duyệt, Quỹ lập các thủ tục để trả đầy đủ cho đối tượng mà Quỹ đã huy động vốn.

3. Đồng tiền thanh toán lãi và trả nợ vốn huy động là đồng Việt Nam. Trường hợp huy động bằng ngoại tệ thì thực hiện theo thoả thuận, cam kết trong hợp đồng đã ký kết.

4. Quỹ tổ chức thực hiện tốt các biện pháp quản lý rủi ro nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các khoản vốn huy động khi đến hạn.

Điều 17. Quản lý vốn huy động

1. Toàn bộ vốn huy động phải chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại các Ngân hàng thương mại để quản lý.

2. Giải ngân vốn huy động:

- Vốn huy động của Quỹ được dùng để đầu tư vào các dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy chế này;

- Tuỳ theo đặc điểm của từng dự án vay vốn, Quỹ thực hiện giải ngân từ nguồn vốn huy động một lần hoặc theo tiến độ triển khai thực hiện dự án.

3. Theo dõi khoản vốn huy động:

- Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản vốn huy động, gồm cả vốn gốc và các khoản lãi phải trả;

- Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;

- Đối với các khoản vốn huy động bằng ngoại tệ thì Quỹ phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Điều 18. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn huy động

1. Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đúng các quy chế, quy trình nghiệp vụ của Quỹ nhằm đảm bảo tính kiểm tra, giám sát được thường xuyên.

2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng nguồn vốn huy động của Quỹ theo chức năng, quyền hạn đã được quy định.

Điều 19. Ủy quyền trong quan hệ huy động vốn

Trường hợp khách hàng ủy quyền cho bên thứ ba (bên được ủy quyền) đến quan hệ giao dịch với Quỹ về Hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ phải đảm bảo các thủ tục sau:

1. Phải xuất trình Hợp đồng huy động vốn Giấy chứng nhận trái phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ Phát hành.

2. Văn bản chứng minh năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của Bên được ủy quyền: Đối với cá nhân là Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ

chiếu (còn thời hạn); Đối với tổ chức là Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và văn bản chứng minh người đại diện hợp pháp.

3. Văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương (đối với cá nhân) hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 20: Thừa kế trong quan hệ huy động vốn

1. Khi cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ giao thừa kế cho người khác, đã chết hoặc tòa án tuyên bố đã chết, Quỹ sẽ hoàn trả vốn huy động và lãi (nếu có) cho người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật.

a) Thừa kế theo di chúc: Người thừa kế theo di chúc phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành;

- Chứng minh thư nhân dân, hoặc hộ chiếu (còn thời hạn) của người thừa kế, người nhận thừa kế.

- Giấy đề nghị rút tiền (theo mẫu).

- Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của người sở hữu Hợp đồng huy động, trái phiếu Quỹ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

- Bản di chúc hợp pháp (bản chính).

- Trường hợp di chúc chỉ định nhiều người thừa kế thì phải có giấy đồng ý của những người thừa kế ủy quyền cho một người đứng ra nhận tiền, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc tất cả người thừa kế cùng đến Quỹ ký vào đơn xin rút tiền đồng thời ủy nhiệm một người nhận tiền.

b) Thừa kế theo pháp luật: Người thừa kế theo pháp luật phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành;

- Chứng minh thư nhân dân, hoặc hộ chiếu (còn thời hạn) của người thừa kế, người nhận thừa kế.

- Giấy đề nghị rút tiền (theo mẫu).

- Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của người chủ sở hữu Hợp đồng huy động, trái phiếu Quỹ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

- Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản.

- Giấy ủy quyền người nhận tiền của các người đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc tất cả người thừa kế cùng đến Quỹ ký vào đơn xin rút tiền đồng thời ủy nhiệm một người nhận tiền.

c) Một trong các tài liệu để chứng minh mối quan hệ được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật: Giấy kết hôn; Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận là cha, mẹ, con, con nuôi; Hoặc giấy xác nhận của công an địa phương, chính quyền địa phương về mối quan hệ giữa người sở hữu tiền gửi, trái phiếu đã chết và người được thừa kế. Trường hợp người được thừa kế theo pháp luật đã chết thì phải có giấy chứng tử do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cá nhân chủ sở hữu Hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật thì người giám hộ theo quy định của pháp luật hoặc người được cử làm giám hộ khi nhận lại tiền gửi mà Quỹ đã huy động phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành;

- Chứng minh thư nhân dân, hoặc hộ chiếu (còn thời hạn) của người giám hộ.

- Giấy đề nghị rút tiền có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Các tài liệu chứng minh quan hệ đủ tư cách là người giám hộ theo quy định của pháp luật.

- Quyết định của tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của người sở hữu tiền gửi, trái phiếu (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

3. Trường hợp cá nhân sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ bị tuyên bố mất tích theo quyết định của tòa án thì người quản lý tài sản theo quy định của pháp luật hoặc người được chỉ định để quản lý tài sản, khi nhận vốn huy động tại Quỹ phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- Chứng minh thư nhân dân, hoặc hộ chiếu (còn thời hạn) của người quản lý tài sản.

- Giấy đề nghị rút tiền có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Các tài liệu chứng minh quan hệ đủ tư cách là người quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

- Quyết định của tòa án tuyên bố là mất tích của người chủ sở hữu vốn huy động (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền)

4. Trường hợp có tranh chấp về việc thừa kế, việc giải quyết phải tuân theo quyết định của tòa án.

5. Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc, theo quy định của pháp luật hoặc có nhưng từ chối quyền hưởng thừa kế thì số tiết kiệm sẽ thuộc sở hữu Nhà nước.

Điều 20. Xử lý thất lạc hoặc mất hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu Quỹ.

Trường hợp khách hàng bị thất lạc hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận trái phiếu do Quỹ phát hành thì phải báo mất hoặc báo thất lạc Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu có xác nhận của chính quyền địa phương và gửi ngay đến Quỹ để làm cơ sở thanh toán hoặc để được cấp lại. Sau 60 ngày nhận đơn báo mất hoặc thất lạc của khách hàng, theo hồ sơ lưu tại Quỹ và nếu không có vấn đề gì tranh chấp Quỹ sẽ thanh toán cho người sở hữu hoặc tiến hành cấp lại Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra do khai báo muộn.

Điều 21. Xử lý trường hợp Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu bị mờ, rách, tẩy xóa.

1. Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận sở hữu trái phiếu Quỹ về nguyên tắc khi thanh toán phải còn nguyên vẹn, không bị rách, chấp vá, tẩy, xóa, sửa chữa. Đặc biệt các yếu tố sau phải nhận dạng được:

- Họ tên, địa chỉ, số chứng minh thư nhân dân (còn thời hạn) của người sở hữu.
- Số Hợp đồng, số series
- Số tiền gửi, số tiền cho vay lại, mệnh giá trái phiếu (cả bằng số và bằng chữ).

2. Nếu các yếu tố trên không đọc hoặc nhận dạng được thì số tiền của khách hàng tạm thời chưa thanh toán. Khách hàng muốn rút tiền phải thực hiện thủ tục báo hỏng phải đúng như chữ ký và mã hiệu đăng ký tại Quỹ, Giấy báo hỏng được lưu tại Quỹ sau 30 ngày kể từ ngày Quỹ nhận được giấy báo hỏng để tiến hành các nghiệp vụ cần thiết theo Quy định hiện hành, nếu phù hợp theo quy định Quỹ sẽ thu hồi Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu bị hỏng và cấp lại Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu mới miễn phí cho khách hàng; Nếu quá 3 lần thì Quỹ sẽ thu phí cấp lại, cấp mới theo quy định cụ thể từng thời kỳ.

Điều 22. Xử lý từ chối thanh toán

Quỹ được quyền từ chối việc nhận và chi trả gốc và lãi tiền gửi, tiền vay nếu khách hàng không thực hiện đúng các quy định tại quy chế này và các thỏa thuận khác đã cam kết với Quỹ.

Quỹ được quyền từ chối việc chi trả nợ gốc và tiền lãi đối với các Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu do Quỹ phát hành bị lợi dụng nhưng không phải do lỗi của Quỹ.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm:

- Xúc tiến, tìm kiếm và lập các thủ tục về huy động vốn trước khi tiến hành huy động vốn;
- Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng huy động vốn đã ký kết;

- Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro Chịu trách nhiệm về việc sử dụng hiệu quả các nguồn vốn huy động;

- Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất việc huy động vốn và hiệu quả vốn huy động cho Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Quyền hạn:

- Liên hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn huy động một cách hợp pháp;

- Tiếp cận với các tổ chức tài chính nước ngoài, các tập đoàn kinh tế lớn trong nước để xúc tiến và đẩy mạnh công tác huy động vốn;

- Tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn huy động trung và dài hạn;

- Tự chủ trong việc sử dụng các nguồn vốn huy động nhằm tăng nguồn vốn để thực hiện dự án;

- Thực hiện đúng thẩm quyền quyết định mức vốn huy động và giới hạn vốn huy động theo Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Quỹ, các phòng, ban thuộc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế cho phù hợp với quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định./.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Đình Quốc Trị